

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tổ chức thực hiện Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các cấp, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, phối hợp triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội đảm bảo tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả.

- Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp chính quyền trong xây dựng, triển khai thực hiện cơ chế chính sách và bố trí nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội; tạo điều kiện để Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn.

##### **2. Yêu cầu**

- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, UBND các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược và Kế hoạch này phù hợp với từng đối tượng, thành phần để nâng cao nhận thức, năng lực tổ chức thực hiện trong cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong toàn xã hội về phát triển bền vững Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Xác định tín dụng chính sách xã hội là giải pháp quan trọng thực hiện các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước về tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm gắn với triển khai nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực

hiện thẳng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã đề ra.

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới. Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị trong triển khai tín dụng chính sách xã hội, giúp đỡ, khuyến khích hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vươn lên thoát nghèo, từng bước làm giàu chính đáng.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội tại địa phương.

## II. MỤC TIÊU

**1. Mục tiêu tổng quát:** Tập trung huy động các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### 2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; tiếp tục thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2. Hằng năm, ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác chiếm khoảng 15% - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách xã hội được giao. Phân đầu đến năm 2030, nguồn vốn ủy thác đầu tư tại địa phương chiếm tối thiểu 15%/tổng nguồn vốn, kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn từng năm theo Biểu số liệu chi tiết đính kèm.

2.3. Thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội và các chương trình tín dụng đặc thù theo điều kiện thực tế tại địa phương; đảm bảo 100% người nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp; nghiên cứu, đề xuất mở rộng cho vay các đối tượng đặc thù của tỉnh, các đối tượng khó khăn chưa được tiếp cận các chương trình tín dụng ưu đãi như: Hộ mới thoát nghèo sau 3 năm, hộ có mức sống trung bình...

2.4. Tăng trưởng dư nợ đi đôi với đảm bảo nâng cao chất lượng hiệu quả tín dụng chính sách; cụ thể:

- Giai đoạn 2023 - 2030: Tăng trưởng dư nợ bình quân khoảng 10%;

- Phân đầu đến năm 2030, tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội đạt 8.500 tỷ đồng;

- Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 1%.

2.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kỹ năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong điều hành, tác nghiệp; triển khai kịp thời các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm phục vụ tốt hơn các đối tượng chính sách, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội**

1.1. Tiếp tục nghiên cứu, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 22/11/2014, Kết luận số 06-KL/TW, ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư, Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tín dụng chính sách xã hội đến 100% các tổ chức, cơ sở đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò và tính nhân văn sâu sắc của tín dụng chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

1.2. Cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở xác định nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và hàng năm.

1.3. Phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội cũng như đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

#### **2. Tập trung huy động nguồn lực để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội**

2.1. Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương, tích cực huy động vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tại địa phương, đảm bảo bổ sung đủ nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

2.2. Tập trung các nguồn vốn tín dụng ưu đãi có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác do tỉnh quản lý vào một đầu mối là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; từng bước

chuyển từ hình thức hỗ trợ trực tiếp sang cho vay với lãi suất ưu đãi.

2.3. Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách được vay vốn; phấn đấu đến năm 2030, nguồn vốn ủy thác đầu tư tại địa phương chiếm tối thiểu 15%/tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

2.4. Tổ chức các cuộc vận động gửi tiết kiệm chung tay vì người nghèo đến các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân để bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội. Khuyến khích các tổ chức tài chính, các tổ chức kinh tế... đóng góp vào nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh mở rộng huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và xã hội.

### **3. Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn**

3.1. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, việc làm và nâng cao đời sống cho người nghèo, các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội.

3.2. Thường xuyên rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách tín dụng trên địa bàn để kịp thời đề xuất mở rộng chính sách tín dụng theo hướng tăng định mức cho vay, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

3.3. Phối hợp triển khai thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; lồng ghép, gắn kết sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội với các hoạt động khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; tập huấn và hướng dẫn người dân các kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng, kỹ năng quản lý tài chính cá nhân, sử dụng vốn vay hiệu quả, khuyến khích người vay tham gia xây dựng các mô hình sản xuất, chuỗi liên kết, tổ hợp tác... nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.

3.4. Thường xuyên rà soát nhu cầu vay vốn tại cơ sở, làm tốt công tác bình xét cho vay đảm bảo công khai, dân chủ, đúng quy trình, đúng đối tượng, giải ngân cho vay đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, không để tồn đọng, lãng phí nguồn vốn.

#### **4. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù**

4.1. Phát huy vai trò, trách nhiệm Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp trong việc tham mưu, đề xuất chính sách, chỉ đạo, giám sát thực thi các chính sách tín dụng ưu đãi đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

4.2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã, sự tham gia, giám sát của Trưởng thôn, khu phố trong việc quản lý nguồn vốn tín dụng trên địa bàn nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội.

4.3. Tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt các nội dung công việc được ủy thác; nâng cao vai trò trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội, chất lượng hoạt động ủy thác, đảm bảo quản lý tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chú trọng làm tốt công tác nhận diện, xác nhận đối tượng vay vốn, kiểm tra, giám sát.

4.4. Thường xuyên kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn và năng lực cho đội ngũ Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn, thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện các nội dung công việc được ủy nhiệm; chú trọng, tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ người vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả.

4.5. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động giao dịch tại các Điểm giao dịch xã, tập trung nhân lực, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, công khai chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội tại Điểm giao dịch xã nhằm phát huy vai trò giám sát của Nhân dân trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

#### **5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát**

5.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở nhằm phát hiện, ngăn ngừa, chấn chỉnh kịp thời sai sót, tồn tại.

5.2. Nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đảm bảo tính độc lập, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; đổi mới phương pháp và kỹ năng kiểm tra, kiểm soát phù hợp với tình hình hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn.

5.3. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện tín dụng chính sách xã hội; vai trò chủ thể của người dân trong giám sát cộng đồng; các

tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức hội, đoàn thể cấp dưới; nâng cao chất lượng kiểm tra việc sử dụng vốn vay và giám sát hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

## **6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ**

6.1. Thực hiện tốt công tác cán bộ, chú trọng công tác quy hoạch, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp cán bộ có đủ trình độ, năng lực, uy tín, sức khỏe nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, người lao động của Ngân hàng Chính sách xã hội giỏi về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, phương thức làm việc tiên tiến, hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ đối với khách hàng.

6.2. Thường xuyên đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội làm công tác ủy thác, Ban giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn, Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng triển khai, quản lý tín dụng chính sách xã hội.

## **7. Nâng cao năng lực quản lý và xử lý nợ rủi ro**

7.1. Xây dựng các tiêu chí nhận biết, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng nhằm hạn chế những rủi ro, ngăn ngừa kịp thời trong quá trình thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

7.2. Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định. Xử lý kịp thời các khoản nợ bị rủi ro theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng nhằm hỗ trợ các đối tượng kịp thời tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, tạo sinh kế, ổn định cuộc sống.

## **8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngân hàng Chính sách xã hội**

8.1. Ưu tiên đầu tư hệ thống máy móc và thiết bị công nghệ đảm bảo đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật công nghệ, bảo đảm hoạt động thông suốt; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa ngành ngân hàng, phù hợp với hoạt động đặc thù của tín dụng chính sách xã hội.

8.2. Tăng cường nâng cao trình độ cho cán bộ để theo kịp với quá trình chuyển đổi số hiện đại hóa ngành ngân hàng, chú trọng bảo mật hệ thống, nghiên cứu phát triển các tiện ích hỗ trợ quá trình điều hành, tác nghiệp.

## **9. Tăng cường công tác truyền thông về tín dụng chính sách**

Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách tín dụng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp Nhân dân, trong đó chú trọng truyền thông đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và hải đảo, góp phần gia tăng niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Các sở, ban, ngành, UBND các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan**

1.1. Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch của UBND tỉnh; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; đồng thời, thường xuyên theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện.

1.2. Rà soát, nghiên cứu, tham mưu lồng ghép tín dụng chính sách xã hội với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo đảm bảo đồng bộ, phù hợp với nguồn lực và thực tiễn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.3. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù.

### **2. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bình Thuận**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật; trong đó, cần tăng cường công tác giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh (nguồn vốn đầu tư công) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo mục tiêu kế hoạch và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

### **4. Sở Tài chính**

4.1. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thực hiện các chương trình theo Đề án bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4.2. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

5.1. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố rà soát, bổ sung kịp thời hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo các giai đoạn tiếp theo để làm căn cứ cho việc triển khai các chương trình

tín dụng chính sách.

5.2. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo, kế hoạch giải quyết việc làm hằng năm; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách gắn với sử dụng nguồn vốn tín dụng ưu đãi trong công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

6.1. Chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, đảm bảo an toàn nguồn vốn cho Nhà nước; thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

6.2. Hằng năm, cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác, mục tiêu nguồn vốn ngân sách địa phương chiếm khoảng 15-20% tăng trưởng dư nợ tín dụng hàng năm của Phòng giao dịch, phấn đấu đến năm 2030 nguồn vốn ủy thác địa phương chiếm 15%/tổng nguồn vốn. Quan tâm chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ về cơ sở vật chất, địa điểm, trang thiết bị, phương tiện làm việc, đặc biệt là tại các Điểm giao dịch xã nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

6.3. Chỉ đạo, tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thực hiện tốt công tác điều tra rà soát nhu cầu vốn, thực hiện phân bổ nguồn vốn đúng quy định; tổ chức bình xét, xác định đối tượng vay vốn đảm bảo kịp thời, đúng quy định làm căn cứ để Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay.

6.4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, đào tạo nghề để hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận và từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.

## **7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

7.1. Tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Tuyên truyền, vận động để huy động sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội bằng hình thức phù hợp.

7.2. Thực hiện tốt chương trình phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo Chương trình phối hợp số 10/CTrPH-MTTW-NHCS giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ngân hàng



Chính sách xã hội Việt Nam.

## **8. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội**

8.1. Làm tốt công tác tuyên truyền và tham gia thực hiện tốt các chính sách tín dụng hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội; phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, các chương trình chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm... với việc triển khai tín dụng chính sách trên địa bàn.

8.2. Nâng cao năng lực, hiệu quả và chất lượng hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp dưới (đặc biệt là cấp xã) và Tổ tiết kiệm và vay vốn trong thực hiện ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội. Chủ động tập huấn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn thông qua hình thức tự đào tạo hoặc thực hiện chương trình hợp tác đào tạo với Ngân hàng Chính sách xã hội.

8.3. Hằng năm, chủ động xây dựng và thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát, có biện pháp ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các trường hợp tham ô, chiếm dụng vốn theo quy định (nếu có).

8.4. Chỉ đạo làm tốt việc bình xét đối tượng vay vốn, phối hợp với chính quyền trong việc xác nhận danh sách hộ đủ điều kiện vay vốn, quản lý và hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ theo quy định.

8.5. Chủ động phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp tổ chức tập huấn đến Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn, Hội đoàn thể các cấp, nhằm nâng cao chất lượng quản lý nguồn vốn tín dụng chính sách.

## **9. Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp**

9.1. Duy trì chế độ họp theo định kỳ để đánh giá kết quả hoạt động, những khó khăn, tồn tại và đề ra giải pháp thực hiện công tác cho vay tại cơ sở. Bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để chỉ đạo xây dựng kế hoạch tăng trưởng tín dụng hằng năm phù hợp với mục tiêu Chiến lược.

9.2. Phân công trách nhiệm của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; trách nhiệm của thành viên Ban đại diện trong chỉ đạo, phối hợp thực hiện Chiến lược.

9.3. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách tại cơ sở và hoạt động của hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn; thông qua công tác kiểm tra tác động đến chính quyền địa phương, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác nhận thức rõ về tín dụng chính sách, thực hiện bình xét cho vay đúng đối tượng, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn tín dụng chính sách.

9.4. Tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp kịp thời.

### **10. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh**

10.1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình hành động thực hiện Chiến lược của Ngân hàng Chính sách xã hội và Kế hoạch này.

10.2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung Chiến lược đến các cấp, các ngành và mọi tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

10.3. Chỉ đạo Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân, Ban đại diện Hội đồng quản trị ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược trên địa bàn, tổ chức tốt các yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

10.4. Tập trung huy động nguồn lực, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai cho vay kịp thời các chương trình tín dụng ưu đãi đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng đối tượng, tránh bị lợi dụng, trục lợi chính sách. Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương, có giải pháp huy động vốn tại địa phương nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

10.5. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội, tình hình triển khai thực hiện Chiến lược. Tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình kết quả triển khai thực hiện Chiến lược theo đúng quy định; đề xuất các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá thực hiện Chiến lược./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh - Nguyễn Minh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Thành viên BDD NHCSXH tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXNV, Việt.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN ỦY THÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 2377 /KH-UBND ngày 03 /7/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện cuối năm 2022	Kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn							
		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026	
		Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm
Tổng nguồn vốn (1+2)	3.920.298	400.000	4.320.298	440.000	4.760.298	480.000	5.240.298	540.000	5.780.298
1. Nguồn vốn cân đối từ Trung ương	3.695.440	319.000	4.014.440	343.000	4.357.440	370.000	4.727.440	417.000	5.144.440
2. Nguồn vốn nhận ủy thác địa phương	224.858	81.000	305.858	97.000	402.858	110.000	512.858	123.000	635.858
2.1. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh	147.159	57.000	204.159	70.000	274.159	80.000	354.159	90.000	444.159
2.2. Nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện	77.699	24.000	101.699	27.000	128.699	30.000	158.699	33.000	191.699
3. Tỷ trọng vốn ủy thác địa phương/tổng nguồn vốn (%)	5,74		7,08		8,46		9,79		11,00

Chỉ tiêu	Kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn							
	Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030	
	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm	Tăng so với năm trước	Nguồn vốn đến cuối năm
Tổng nguồn vốn (1+2)	590.000	6.370.298	650.000	7.020.298	700.000	7.720.298	780.000	8.500.298
1. Nguồn vốn cân đối từ Trung ương	455.000	5.599.440	497.000	6.096.440	530.000	6.626.440	590.000	7.216.440
2. Nguồn vốn nhận ủy thác địa phương	135.000	770.858	153.000	923.858	170.000	1.093.858	190.000	1.283.858
2.1. Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh	100.000	544.159	115.000	659.159	130.000	789.159	145.000	934.159
2.2. Nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện	35.000	226.699	38.000	264.699	40.000	304.699	45.000	349.699
3. Tỷ trọng vốn ủy thác địa phương/tổng nguồn vốn (%)		12,10		13,16		14,17		15,10